

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2020/KDTM-PT

Ngày: 26 và 27/11/2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Bình

Các thẩm phán: Bà Ngô Tuyết Băng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 và 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 76/2020/TLPT-KDTM ngày 11/3/2020 về việc Tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2019/ KDTM-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 584/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà T, số 210 đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội (theo Giấy đăng ký Doanh nghiệp ngày 26/8/2020).

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Khắc N, ông Đinh Việt T, ông Nguyễn Hoài N (theo văn bản ủy quyền số 6722/2019 ngày 23/7/2019)

- Bị đơn: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại T;

Địa chỉ trụ sở: Số 50 ngõ 174/50 đường L, phường B, quận T, thành phố Hà Nội (số mới: 50/50 Vọng Thị, phường B, quận T, Hà Nội)

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T - Chức vụ: Giám đốc;

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Tạ Thị T, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số nhà 50, ngõ 174/50 đường L, phường B, quận T, thành phố Hà Nội (số mới: 50/50 Vọng Thị, phường B, quận T, Hà Nội).

2. Ông Lương Thanh T, sinh năm 1979;

3. Bà Lê Thuỳ D, sinh năm 1980;

Hiện ở tại: Số 12A ngõ 66/68 phố Ngọc L, quận L, thành phố Hà Nội.

Hộ khẩu thường trú: Số 3, tổ 20 cụm 3, phường T, quận T, thành phố Hà Nội

4. Ông Đái Trinh T, sinh năm 1940;

5. Bà Đinh Thị H, sinh năm 1944;

6. Ông Đái Trinh T, sinh năm 1974;

7. Bà Chu Thị Đ, sinh năm 1975;

8. Chị Đái Thị C, sinh năm 1996;

9. Anh Đái Trinh H, sinh năm 1997.

Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố T, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (số mới: Số 5, ngõ 54/2 tổ dân phố Thượng 1, phường T, quận B, thành phố Hà Nội).

Người kháng cáo: Ông Lương Thanh T và bà Đinh Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại các biên bản ghi lời khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/01/2011, Ngân hàng B có ký hợp đồng tín dụng số P10511012/HĐTD với Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Xây dựng và Thương mại T (sau đây viết tắt là Công ty T). Theo hợp đồng Ngân hàng cho Công ty T vay số tiền là 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 6 tháng, mục đích vay là thanh toán tiền mua thép theo hợp đồng mua bán 01/2011 ngày 05 tháng 01 năm 2011 của Công ty T mua thép của Công ty kim khí xây dựng Việt Nga, trả nợ lãi vào ngày 25 hàng tháng. Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 5.000.000.000 đồng cho Công ty T và hai bên đã có khế ước nhận nợ số P10511012/ KU01 ngày 10 tháng 02 năm 2011 (ngày Ngân hàng chuyển khoản tiền vay).

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 7 có địa chỉ: Thôn Thượng, xã T, huyện Từ Liêm, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 795317 do Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm cấp ngày 12/07/2006 mang tên ông Đái Trinh T và đã sang tên cho ông Lương Thanh T ngày 19/03/2010. Hợp đồng T chấp tài sản của bên thứ 3 đã được công chứng tại Phòng công chứng số 4 Thành phố Hà nội, số công chứng 3965.2010/HĐTC - quyền số: 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/7/2010 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 05 tháng 8 năm 2010 tại Văn phòng đăng ký đất và nhà huyện Từ Liêm.

Tổng lãi trong hạn của Công ty T từ ngày 10/2/2011 đến ngày 29/7/2011 là 483.055.555 đồng, Công ty T đã trả lãi trong hạn là 393.384.360 đồng, còn nợ lại 89.671.195 đồng và sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 29/7/2011.

Ngày 14/4/2014, Ngân hàng đã bán khoản nợ của Công ty T cho Công ty TNHH một thành viên quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Quản lý tài sản – VAMC). Sau đó, VAMC đã ký Hợp đồng ủy quyền số 163/2014/UQ.VAMC2-LienVietPostBank ngày 14/4/2014 ủy quyền cho Ngân hàng thay mặt VAMC thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của chủ nợ để thu hồi khoản nợ của khoản vay Công ty T. Ngày 24/06/2019 Ngân hàng TMCP B đã

thực hiện mua lại khoản nợ của VAMC đối với khoản vay Công ty T theo Hợp đồng mua bán nợ số 1498/2019/BN.VAMC1-LienVietPostBank ngày 24/06/2019.

Đến nay, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Công ty T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số P10511012/HĐTD ngày 29/01/2011 với tổng số tiền tính đến ngày 09/10/2019 là: 13.741.275.362 đồng. Trong đó, nợ gốc: 5.000.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 89.671.195 đồng và nợ lãi quá hạn là: 8.651.601.167 đồng. Đối với khoản lãi phạt lãi theo như đơn khởi kiện thì nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả.

***Bị đơn:** Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Xây dựng và Thương mại T do ông Nguyễn Hữu T là Giám đốc trình bày tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai.

Ngày 29/01/2011, Ngân hàng TMCP B có ký hợp đồng tín dụng số P10511012/ HĐTD với Công ty T. Công ty T vay số tiền là 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay, mục đích vay, thời hạn trả nợ như Ngân hàng trình bày là đúng. Kể từ thời điểm vay đến nay thì Công ty T đã trả lãi trong hạn là 393.384.360 đồng và sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên chuyển sang nợ quá hạn vì công ty T làm ăn khó khăn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay như Ngân hàng trình bày là đúng.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

Đối với bà Tạ Thị T: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng triệu tập bà Tạ Thị T đến tòa để hỏi về việc bà nhận ủy quyền của ông Đái Trinh T và bà Đinh Thị H theo hợp đồng Ủy quyền ngày 22 tháng 12 năm 2009 tại Văn phòng công chứng Hà nội có số công chứng 006930/2009, quyển số 06TP/CC-SCC/HĐUQ và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Đái Trinh T và bà Đinh Thị H do bà Tạ Thị T là đại diện với bên nhận chuyển nhượng là ông Lương Thanh T ngày 29 tháng 12 năm 2009 tại Văn Phòng công chứng A9 thành phố Hà nội nhưng bà Tạ Thị T không đến tòa nên không lấy lời khai được.

Tại bản tự khai, ông Đái Trinh T trình bày: Ông là chủ sở hữu nhà đất tại thửa đất số 21 tờ bản đồ số 7 thôn Thượng, xã T, huyện Từ Liêm, Hà Nội (nay là tổ dân phố Thượng 1, phường T, quận B, Hà Nội) với diện tích là 433m². Khoảng năm 2011, con trai ông có nhu cầu vay vốn Ngân hàng để đầu tư làm hoa. Qua giới

thiệu của bà Tạ Thị T là đại diện Công ty T có khả năng vay vốn Ngân hàng. Sau khi trao đổi ông T đưa sổ đỏ cho bà Tạ Thị T để làm thủ tục vay vốn Ngân hàng với thủ tục giấy tờ như hợp đồng ủy quyền đều cho bà T làm và vợ chồng ông ký nhận. Diễn biến quá trình vay vốn như T nào thì ông không nắm được. Từ đó đến nay ông không nhận được khoản tiền nào, sổ đỏ nhà ông được chuyển nhượng như T nào thì ông cũng không biết. Do không hiểu biết pháp luật nên đã kí giấy ủy quyền cho bà Tạ Thị T. Bà T lại chuyển nhượng cho anh T. Anh T T chấp vay vốn Ngân hàng để công ty T kinh doanh.

Hiện trạng nhà ông Đái Trinh T vẫn ở trên nhà đất như tại biên bản xem xét thẩm định trước đây, không sửa chữa cải tạo gì thêm. Trên đất còn có một dãy nhà cho sinh viên thuê trọ, sinh viên đến thuê trọ không ổn định thay đổi liên tục không khai báo tạm trú.

Năm 2016, gia đình ông có làm đơn tố cáo bà Tạ Thị T tại cơ quan điều tra công an quận B. Đến nay ông chưa được công an thông báo kết quả, kết luận cuối cùng về giải quyết đơn thư tố cáo. Nay ông già yếu nên đề nghị tòa án cho vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại tòa án cũng như tại phiên tòa xét xử. Đề nghị tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi chính đáng của gia đình nhà ông.

Bà Đinh Thị H trình bày: Năm 2009, do con trai tôi là Đái Trinh T có nhu cầu vay vốn nên đã hỏi bà Tạ Thị T là đại diện của Công ty T vay vốn hộ. Gia đình tôi vay 200 triệu đồng và bà T nói đưa giấy chứng nhận quyền sở nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên bà và chồng là Đái Trinh T để làm thủ tục T chấp. Toàn bộ thủ tục giấy tờ T chấp vay vốn Ngân hàng là do bà T thực hiện và vợ chồng bà chỉ ký giấy tờ. Ngày 22/12/2009, vợ chồng bà và bà T ký tại nhà bà Hợp đồng ủy quyền. Sau khi ký xong hợp đồng ủy quyền bà T tự ra công chứng và hứa sau 5 ngày Ngân hàng sẽ về để thẩm định và cho vay vốn. Quá thời hạn trên bà không thấy Ngân hàng về thẩm định tài sản nên biết là không vay vốn được và liên hệ với bà T để đòi lại sổ đỏ. Khi đó bà T khát và hẹn lại sau 6 tháng trả lại giấy chứng nhận. Nhưng sau đó, bà T không trả, gia đình nhà bà ráo riết đòi thì bà T viết cho vợ chồng bà 3 giấy hẹn trả lại tài sản vào ngày 7/5/2011; ngày 28/12/2011; ngày 20/2/2012. Đến năm 2013, Ngân hàng về nhà bà yêu cầu trả nợ thì gia đình bà mới

biết được bà T đã lấy tài sản của vợ chồng bà T chấp vay vốn Ngân hàng. Việc bà T chuyển nhượng cho anh Lương Thanh T và vợ Lê Thùy D sau đó lại T chấp Ngân hàng như T nào gia đình chúng tôi không được biết.

Quá trình gia đình con bà sinh sống trên đất có công trình trên đất đúng như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án tiến hành.

Công Ty T phải có trách nhiệm trả nợ và không đồng ý Ngân hàng phát mại tài sản T chấp của gia đình bà. Bà T phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình tôi.

Anh Đái Trinh T trình bày: Anh là con trai ông Đái Trinh T và bà Đinh Thị H, anh có vợ là Chu Thị Đ, sinh năm 1975 và hai con là Đái Thị Trinh, sinh năm 1995, Đái Trinh H sinh năm 1997. Bố mẹ anh cho gia đình anh ra ở riêng tại nhà đất tổ dân phố Thượng 1, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Bốn nhân khẩu gia đình anh sinh sống ổn định trên đất này. Đến năm 2018, con gái anh đi lấy chồng và chuyển về nhà chồng ở huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang ở từ đó cho đến nay. Nhà anh hiện còn ba nhân khẩu sinh sống, cháu Trinh chưa cắt hộ khẩu thường trú. Tài sản này là của bố mẹ tôi, gia đình anh sinh sống trên đất này. Năm 2008, anh và vợ là Chu Thị Đ được bố mẹ đồng ý cho ở nên bỏ tiền ra xây nhà 3 tầng nhưng nhà đất vẫn do bố mẹ anh đứng tên. Vợ chồng anh không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với việc bỏ tiền ra xây nhà trên đất. Các con anh còn nhỏ không đóng góp gì đối với tài sản nhà đất hiện nay vợ chồng anh ở.

Anh Lương Thanh T trình bày: Ngày 29/12/2009, tôi và vợ chồng ông Đái Trinh T và Chu Thị Đ do bà Tạ Thị T là đại diện theo ủy quyền ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất ở thửa đất số 21 tờ bản đồ số 7 có địa chỉ tại Thôn Thượng, xã T, huyện Từ Liêm theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 1908/2009/HĐCN Quyền số: 06- TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng A9 Hà nội). Tôi đã trả tiền cho bà T. Ngày 19/3/2010, văn phòng đăng kí đất và nhà huyện Từ Liêm đăng kí sang tên toàn bộ quyền sử dụng đất cho tôi là Lương Thanh T.

Tôi đã T chấp tài sản nhà đất để Công ty T vay tiền của Ngân hàng, Công ty T sử dụng tiền nên Công ty T phải có trách nhiệm trả nợ tại Ngân Hàng.

Bản án sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân quận T đã xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B đối với Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Xây dựng và Thương mại T.

Buộc Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Xây dựng và Thương mại T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền nợ gốc: 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng); Nợ lãi trong hạn: 121.338.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 8.635.771.000 đồng. Tổng cộng là 13.757.109.000 đồng.

Trong T hợp Công ty T không trả được số nợ gốc và nợ lãi thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản đã T chấp để thu hồi nợ theo quy định.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Lương Thanh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, không tổ chức hòa giải, đưa tH người tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và bà Đinh Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm với lý do không đồng ý đề nguyên đơn phát mại tài sản nhà đất của gia đình bà để thu hồi nợ.

Tại cấp phúc thẩm:

Ngân hàng TMCP B: xin giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và xác nhận Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng số P10511012/HĐTD với Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Xây dựng và Thương mại T (sau đây viết tắt là Công ty T). Ngân hàng cho Công ty T vay số tiền là 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 6 tháng, mục đích vay là thanh toán tiền mua thép, lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền 5.000.000.000 đồng cho Công ty T theo khế ước nhận nợ số P10511012/ KU01 ngày 10 tháng 2 năm 2011.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên của công ty T là quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số thửa đất số 21, tờ bản đồ số 7 có địa chỉ: Thôn Thượng, xã T, huyện Từ Liêm, Hà Nội (nay là Tổ dân phố Thượng1, phường T, quận B, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE

795317, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H0351/QSDĐ/1781/QĐ-UB ngày 12/07/2006 do Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm cấp ngày 12/07/2006 mang tên ông Đái Trinh T và đã sang tên cho ông Lương Thanh T ngày 19/03/2010. Việc T chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Quá trình thực hiện hợp đồng cho tới nay, công ty T mới trả được 393.384.360 đồng tiền lãi trong hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/10/2019), công ty T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 13.757.109.000 đồng, trong đó nợ gốc là 5.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 121.338.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 8.635.771.000 đồng. T hợp công ty T không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản để thu hồi nợ theo quy định.

Bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, lời khai của bà tại Tòa án cấp sơ thẩm và trình bày: Do con trai tôi là Đái Trinh T có nhu cầu vay vốn nên đã hỏi bà Tạ Thị T là đại diện của Công ty T vay vốn hộ. Bà T nói đưa giấy chứng nhận quyền sở nhà ở và quyền sử dụng đất của gia đình tôi để làm thủ tục T chấp. Toàn bộ thủ tục giấy tờ T chấp vay vốn ngân hàng, hợp đồng ủy quyền là do bà T thực hiện và vợ chồng tôi chỉ ký giấy tờ. Đến năm 2013, Ngân hàng về nhà tôi yêu cầu trả nợ thì gia đình tôi mới biết được bà T đã lấy tài sản của chúng tôi T chấp vay vốn ngân hàng. Bà H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Anh Đái Trinh T vẫn nguyên các lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm và trình bày: Tài sản mà anh Lương Thanh T đã T chấp cho Ngân hàng B là của bố mẹ anh, gia đình anh T sinh sống trên đất này. Năm 2008 được bố mẹ đồng ý cho ở nên vợ chồng anh đã bỏ tiền ra xây nhà 3 tầng nhưng nhà đất vẫn do bố mẹ anh đứng tên. Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng anh T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc đã bỏ tiền ra xây nhà trên đất. Các con anh còn nhỏ không đóng góp gì đối với tài sản nhà đất hiện nay. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của gia đình anh.

Anh Lương Thanh T trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Anh T và vợ chồng ông Đái Trinh T, bà Chu Thị Đ do bà Tạ Thị T là đại diện theo ủy quyền đã ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất nêu trên của vợ chồng ông T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 1908/2009/HĐCN Quyền số: 06- TP/CC-SCC/HĐGD tại văn phòng công chứng A9 Hà nội. Trước khi ký hợp đồng chuyển nhượng, anh T đã đến nhà ông T, bà H để trao đổi việc mua bán nhà đất trên, việc này gia đình nhà ông T đều biết. Tôi đã trả tiền cho bà T, tiền mua nhà đất là của anh T, vợ anh là Lê Thùy D không có đóng góp gì. Sau khi mua xong thì vợ chồng tôi không cải tạo, sửa chữa và cũng không ở tại nhà đất nêu trên. Biệc mua bán nhà đất trên đã được đăng ký sang tên anh T tại văn phòng đăng kí đất và nhà huyện Từ Liêm theo đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Đơn kháng cáo trong thời hạn, các đương sự kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tổ tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đúng quy định pháp luật.

Về các nội dung kháng cáo:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đúng theo quy định pháp luật.

Về hợp đồng tín dụng và hợp đồng T chấp: Xét việc các bên ký kết Hợp đồng tín dụng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với qui định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự. Do đó xác định Hợp đồng tín dụng hợp pháp và có hiệu lực thi hành. Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ. Trong hợp đồng và khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về mức lãi suất. Ngân hàng đã tính lãi suất đúng theo thỏa thuận của các bên trong thỏa thuận tín dụng. Do đó, yêu cầu về tính lãi vi phạm của Ngân hàng là có cơ sở. T hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản đã T chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Từ những phân tích đánh giá trên nhận thấy kháng cáo của bà Đinh Thị H và

anh Lương Thanh T là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị H và anh Lương Thanh T và giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Đinh Thị H và anh Lương Thanh T được làm trong thời hạn luật định. Anh Lương Thanh T đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, bà Đinh Thị H đã có đơn xin miễn tiền án phí phúc thẩm đúng quy định của pháp luật nên hợp lệ.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cho tất cả các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chỉ có đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP B, bà Đinh Thị H, anh Đái Trinh T và anh Lương Thanh T. Bị đơn là Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Tạ Thị T, ông Đái Trinh T, chị Chu Thị Đ, chị Lê Thùy D, chị Đái Thị C và anh Đái Trinh H vắng mặt không lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ nêu trên.

** Về quan hệ pháp luật:* Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP B và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại T phát sinh từ hợp đồng tín dụng số P10511012/HĐTD ngày 29/01/2011 và khế ước nhận nợ số P10511012/KU01 ngày 10/02/2011 nên được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định pháp luật.

** Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn là Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và

thương mại T có địa chỉ trụ sở: Số 50 ngõ 174/50 đường L, phường B, quận T, thành phố Hà Nội (số mới: 50/50 Vọng Thị, phường B, quận T, Hà Nội).

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định pháp luật.

* *Về quyền khởi kiện, chủ thể khởi kiện:* Phù hợp với quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về nội dung Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngân hàng TMCP B và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại T (công ty T) ký hợp đồng tín dụng số P10511012/HĐTD ngày 29/01/2011 và khế ước nhận nợ số P10511012/KU01 ngày 10/02/2011. Ngân hàng đã cho Công ty T vay số tiền là 5.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 6 tháng, mục đích vay là thanh toán tiền mua thép, trả nợ lãi vào ngày 25 hàng tháng, lãi suất 22%/năm trong 3 tháng đầu, sau đó lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng/lần theo lãi suất tiết kiệm thường kỳ cộng biên độ 5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Xét hợp đồng tín dụng, thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010. Vì vậy thỏa thuận có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn là công ty T không trả được khoản tiền nợ gốc nào nên xác định công ty T vẫn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 5.000.000.000 (năm tỷ) đồng.

Về yêu cầu thanh toán số tiền nợ lãi của Ngân hàng: Quá trình thực hiện hợp đồng từ năm 2011 đến nay, công ty T mới trả 393.384.360 đồng tiền lãi trong hạn sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Ngân hàng xác định công ty T chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 29/7/2011. Tuy nhiên căn cứ theo khế ước nhận nợ thì đến ngày 10 tháng 2 năm 2011 thì Ngân hàng mới giải ngân nên thời hạn tính quá hạn được xác định là ngày 10 tháng 8 năm 2011 vì hợp đồng vay có thời hạn 6 tháng. Vì vậy, lãi trong hạn mà Công ty T phải trả cho Ngân hàng là 121.337.862 đồng (làm tròn số là 121.338.000 đồng)

Đối với yêu cầu trả lãi quá hạn: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, hai bên có qui định về lãi xuất tại thời điểm giải ngân là 22%/ năm, lãi

xuất nợ quá hạn bằng 150% lãi xuất trong hạn và ngày trả nợ cuối cùng là ngày 29/7/2011. Công ty T đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ 10/08/2011. Mặt khác, trong thời gian kể từ khi ký kết hợp đồng tín dụng cho đến nay thì Ngân hàng có nhiều lần điều chỉnh lãi suất cho vay theo các quyết định điều chỉnh lãi suất của ngân hàng theo hướng có lợi cho bị đơn. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Công ty T phải trả số tiền lãi quá hạn cho Ngân hàng kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2011 đến ngày 09 tháng 10 năm 2019 là 8.635.770.834 đồng (làm tròn số 8.635.771.000 đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

3. Về tài sản T chấp: Để đảm bảo cho khoản vay trên của Công ty T, anh Lương Thanh T đã T chấp quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số thửa đất số 21, tờ bản đồ số 7 có địa chỉ: Thôn Thượng, xã T, huyện Từ Liêm, Hà Nội (nay là Tổ dân phố Thượng1, phường T, quận B, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 795317, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H0351/QSDD/1781/QĐ-UB ngày 12/07/2006 do Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm cấp ngày 12/07/2006 mang tên ông Đái Trinh T và đã sang tên cho anh Lương Thanh T ngày 19/03/2010.

Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án. Ông Đái Trinh T có đơn tố cáo về hành vi lừa đảo của bà Tạ Thị T về việc chuyển nhượng nhà đất nêu trên của gia đình ông cho anh Lương Thanh T. Tuy nhiên, tại các biên bản lời khai có trong hồ sơ, ông Đái Trinh T và bà Đinh Thị H đều thừa nhận có ký văn bản ủy quyền ngày 22/12/2009 tại Văn phòng công chứng Hà Nội – A38 cho bà Tạ Thị T. Theo nội dung Điều 2 của Văn bản ủy quyền thì bà T có quyền: thay mặt vợ chồng ông T chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ, tặng cho, cho thuê, cho mượn, góp vốn, T chấp hoặc bảo lãnh cho bên thứ 3 vay vốn tại các Ngân hàng và các tổ chức tín dụng theo quy định pháp luật đối với thửa đất nêu trên; Khi thực hiện các công việc ủy quyền thì bà T được lập và ký và nhận các giấy tờ cần thiết tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Vợ chồng ông T đã cam đoan chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về các việc do bà T thực hiện theo nội dung được ủy quyền và việc thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa anh Lương Thanh T và bà Tạ Thị T thì ông T, bà H đều biết.

Xét việc T chấp trên là tự nguyện, nội dung phù hợp với quy định pháp luật

về hợp đồng T chấp, việc T chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên là hợp pháp và cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Đinh Thị H và anh Lương Thanh T.

Kết luận của vị đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 38, Khoản 1 Điều 148, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2010).
- Căn cứ các Điều 342, 343, 351, 355, 715, 721 Bộ luật Dân sự 2005;
- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006.
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2020/KDTM-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại T theo Hợp đồng tín dụng số

P10511012/HĐTD ngày 29/01/2011 và khế ước nhận nợ số P10511012/KU01 ngày 10/02/2011.

Buộc Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại T phải trả Ngân hàng TMCP B số tiền nợ gốc là 5.000.000.000 đồng, lãi trong hạn là 121.338.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 8.635.771.000 đồng, tổng cộng là 13.757.109.000 đồng.

Trong T hợp Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản tiền trên, Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất tại thửa đất số 21, tờ bản đồ số 7 có địa chỉ: Thôn Thượng, xã T, huyện Từ Liêm, Hà Nội (nay là Tổ dân phố Thượng1, phường T, quận B, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 795317, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H0351/QSDĐ/1781/QĐ-UB ngày 12/07/2006 do Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm cấp ngày 12/07/2006 mang tên ông Đái Trinh T và đã sang tên cho anh Lương Thanh T ngày 19/03/2010 để thu hồi nợ theo quy định.

T hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày 10/10/2019 Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và thương mại T phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất theo quy định pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản nợ gốc.

2. Về án phí: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Xây dựng và Thương mại T phải chịu 121.757.000 đồng (một trăm mười hai triệu bảy trăm năm bảy nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bà Đinh Thị H không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Anh Lương Thanh T phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền án phí phúc thẩm được trừ vào 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2016/0003754 ngày 14/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Hà Nội.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền 57.970.000 đồng (năm mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AD/2010/0008175 ngày 28 tháng 10 năm 2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 27/11/2020.

Nơi nhận:

- VKSND T/p Hà Nội;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Bình

